TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14-7-2023 "V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Văn Thanh

Ông Nguyễn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Lịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tăng Thúy P; Địa chỉ: Số G S, Khóm D, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C; Địa chỉ: số I Hẻm I đường Q, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-5-2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Tăng Thúy P *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thúy P và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng, tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Về con chung ông bà có con chung: Nguyễn Thị Ngọc H, nữ, sinh ngày 01/5/1999; Về tài sản chung, nợ chung không có. Nay bà Tăng Thúy P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tăng Thúy P và ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Đối với người con Nguyễn Thị Ngọc H, nữ, sinh ngày 01/5/1999 trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn C *là bị đơn tại phiên tòa ông trình bày*: Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà P, ông và bà P sống chung với nhau như vợ chồng từ 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn, việc sống chung như vợ chồng do ông bà tự nguyện, không ép buộc. Thời gian sống chung thì ông bà rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì thường xuyên cải vã với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đối với yêu cầu của bà P: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tăng Thúy P và ông Nguyễn Văn C thì ông C đồng ý. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: thống nhất bà P trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn C thừa nhận lời trình bày của bà Tăng Thúy P về quan hệ hôn nhân; về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tăng Thúy P yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn C và ông C cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Tăng Thúy P cung cấp và ông Nguyễn Văn C thừa nhận căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét yêu cầu của bà P. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà P và ông C không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa bà P và ông C. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*". Như vậy, bà P yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Đối với người con Nguyễn Thị Ngọc H, nữ, sinh ngày 01/5/1999 trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất không có không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thúy P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tăng Thúy P với ông Nguyễn Văn C;

2. *Về con chung*: Đối với người con Nguyễn Thị Ngọc H, nữ, sinh ngày 01/5/1999 trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét không giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Tăng Thúy P phải nộp là 300.000 đồng án phí hôn nhân, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008750 ngày 02-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà P đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Như